

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ
TP ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **28 /2019/DS-ST**
Ngày: 28-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhó

Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: ông Lê Thanh Tráng - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-DS ngày 02/8/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Đặng Vinh Q**; Địa chỉ: Số S, phường Đ, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Bà **Lê Thị Thúy V**, địa chỉ: số F đường I, quận H, thành phố Đà Nẵng. *Bà V có mặt*

- Bị đơn: 1/ Bà **Trần Thị C**; Địa chỉ: Số V đường Z, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

2/ Ông **Nguyễn M**; Địa chỉ: Số V đường Z, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông **Nguyễn Tiến D**; Địa chỉ: Số V đường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Trần Thị Kim P**; Địa chỉ: Số S, phường Đ, quận T, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

2/ Ông **Nguyễn Tiến D**; Địa chỉ: Số V đường Z, quận K, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

3/ Ông **Nguyễn H** và bà **Lê Thị B**; Cùng địa chỉ tổ I, thôn G, xã J, huyện A, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đặng Vinh Q trình bày:***

Thông qua mối quan hệ quen biết giữa mẹ ông là bà Trần Thị Kim P và ông Nguyễn Tiến D là chú của ông Nguyễn M, ông Đặng Vinh Q đã cho vợ chồng Nguyễn M - Trần Thị C vay số tiền 170.000.000đ. Ông M và bà C đã viết giấy mượn tiền vào ngày 14/3/2017, các bên cũng đã thỏa thuận miệng lãi suất vay là 20%/năm. Tuy nhiên đến nay, ông Nguyễn M và bà Trần Thị C chưa trả cho ông Q số tiền trên mặc dù ông Q đã nhiều lần nhắc nợ.

Do vậy ông Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải thanh toán tổng số tiền là: 227.000.000đ; trong đó, tiền gốc là: 170.000.000đ và tiền lãi là: 57.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thúy V rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tiền lãi, yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vay là 170.000.000đ

**** Tại đơn trình bày đề ngày 20/01/2019 gửi cho Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn M trình bày:***

Khoảng vào tháng 4/2017, do ông Nguyễn H và bà Lê Thị B vay tiền tại Ngân hàng TMCP L chi nhánh R nhưng quá hạn thanh toán nên ngân hàng không đồng ý cho vay lại, vợ chồng bà B đã nhờ ông Nguyễn M và vợ là bà Trần Thị C đứng tên hộ trong giấy tờ nhà đất tại để làm giúp thủ tục đáo hạn ngân hàng. Để trả nợ cho ngân hàng, ông M và bà B cùng đến số nhà S, quận T, thành phố Đà Nẵng gặp bà P để mượn số tiền 170.000.000đ thì bà P đồng ý và yêu cầu bà B viết giấy nhận nợ số tiền 170.000.000đ cho con trai bà P là Đặng Vinh Q và giữ CMND, sổ hộ khẩu của bà B, ông H làm tin. Sau khi bà B trả tiền cho ngân hàng, bà P đã làm thủ tục sang tên nhà đất tại tổ I, thôn G, xã J, huyện A từ vợ chồng bà B sang cho vợ chồng ông M đứng tên sở hữu và sử dụng, đồng thời bà P yêu cầu vợ chồng ông M viết giấy nhận nợ số tiền 170.000.000đ đã đưa cho bà B vay trả nợ ngân hàng trước đó, ngoài ra còn giữ của vợ chồng ông các giấy tờ: CMND, sổ hộ khẩu, Giấy tờ nhà đất tại tổ I, thôn G, xã J, huyện A. Sau khi ngân hàng đồng ý cho vay và tiến hành giải ngân số tiền 230.000.000đ. Sau khi làm xong thủ tục rút tiền vay, ông M đã giao toàn bộ cho bà B để bà B trả nợ cho bà P nhưng bà P chỉ trả lại cho

ông M các giấy tờ là CMND, sổ hộ khẩu; bà P không trả lại Giấy vay tiền với lý do đang để ở nhà sẽ về hủy sau. Nay ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn M và bà Trần Thị C thanh toán số tiền nợ gốc và lãi thì bị đơn không đồng ý vì thực tế đã thanh toán xong.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải ngày 27/3/2019, ông Nguyễn Tiến D là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn (ông Nguyễn M) cũng đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Tiến D đã nhận làm thủ tục đáo hạn Ngân hàng cho ông Nguyễn H và bà Lê Thị B. Do ông H và bà B thuộc nhóm nợ xấu, ngân hàng không đồng ý cho vay tiếp nên các bên thỏa thuận sang tên quyền sử dụng đất và nhà ở tại tổ I, thôn G, xã J, huyện A, thành phố Đà Nẵng đứng tên ông H và bà B cho ông Nguyễn M và vợ là bà Trần Thị C. Để có tiền trả nợ ngân hàng, ông D đã giới thiệu cho bà B vay của mẹ con bà Trần Thị Kim P số tiền 170.000.000đ, bà P là người trực tiếp đưa tiền cho bà B. Đồng thời, bà P giữ sổ hộ khẩu, chứng M nhân dân và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) của hộ bà B ông H. Sau khi làm thủ tục sang tên nhà đất, ông M và bà C đã đứng ra vay giúp cho vợ chồng bà B số tiền 230.000.000đ, ngay sau khi nhận tiền thì bà B đã trả lại cho mẹ con bà P số tiền 170.000.000đ đã vay (bà P là người trực tiếp nhận tiền tại ngân hàng) nhưng do tin tưởng nên đã không lấy lại Giấy vay tiền mà ông M và bà C đã lập. Nay ông Đặng Vinh Q khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn M và bà Trần Thị C thanh toán số tiền nợ gốc và lãi thì bị đơn không đồng ý vì thực tế đã thanh toán xong.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim P trình bày:***

Bà và ông Nguyễn Tiến D đều làm dịch vụ cho vay tiền để đáo hạn ngân hàng nên ông D đã nhiều lần vay tiền và giới thiệu khách đến vay tiền của bà. Vào thời gian khoảng đầu tháng 3/2017, ông D cùng với bà Lê Thị B đến nhà bà đặt vấn đề mượn tiền cho vợ chồng bà B đáo hạn ngân hàng thì bà đồng ý. Do không có tiền nên bà đã gọi điện cho con trai là ông Đặng Vinh Q đưa tiền cho vợ chồng bà B mượn, hai bên thỏa thuận số tiền mượn là 160.000.000đ và tiền lãi là 10.000.000đ, bản thân bà là người thay mặt ông Q giao tiền. Ngay sau khi trả xong tiền cho ngân hàng, bà B đã giao Giấy chứng nhận đối với nhà đất tại tổ I, thôn G, xã J, huyện A cho bà P giữ làm tin.

Vào ngày 14/3/2017, ông D hẹn gặp bà P tại quán cà phê và đặt vấn đề cháu của ông D là Nguyễn M đang mua nhà đất của vợ chồng bà B tại thôn G, xã J, huyện A nhưng thiếu tiền nên muốn mượn bà P 170.000.000đ, sau khi sang tên nhà đất thì vợ chồng ông M sẽ vay lại tiền ngân hàng để trả. Do không có tiền nên bà P

đã gọi cho con trai là ông Đặng Vinh Q thì ông Q đồng ý cho mượn. Sau đó ông D viết giấy mượn lại các giấy tờ về nhà đất mà bà P đang giữ để làm thủ tục chuyển nhượng, đồng thời gọi cho vợ chồng ông M đến viết giấy vay số tiền 170.000.000đ của ông Đặng Vinh Q. Trong thời gian chờ ông Q đem tiền đến, ông D bảo vợ chồng ông M ký xong về trước, còn tiền để ông D ở lại nhận giúp. Sau đó ông Q đã nhờ bà Đặng Thị Xuân cầm hộ tiền đến giao cho bà P và bà P đã giao cho ông D số tiền 170.000.000đ.

Vào ngày 14/4/2017, ông D báo với bà P vợ chồng ông M và vợ chồng bà B đã thỏa thuận xong việc chuyển nhượng nhà đất và đang chờ công chứng nên gọi đến nhờ ký làm chứng; khi bà P đến chỉ có bà B, ông D, chưa có vợ chồng ông M, do bà P có việc nên ông D có đưa cho bà quyển sổ rồi bảo ký trước vào một tờ giấy trắng chưa ghi chữ nên bà P đã ký và ghi ngày vào. Những nội dung trong tờ Giấy cam kết mặt sau có chữ ký làm chứng của bà P mà bà B đã cung cấp là do ông Nguyễn M tự ghi sau, do vậy mới có việc ông M đã ghi vào cuối giấy cam kết là “Đà Nẵng, ngày 26/4/2017” tức ngày viết sau khi bà P ký làm chứng 12 ngày.

Vào ngày 24/4/2017, cá nhân ông Nguyễn M tiếp tục vay thêm của ông Đặng Vinh Q số tiền 70.000.000đ.

Đến ngày 28/4/2017, bà B báo bà P đến ngân hàng để nhận tiền trả nợ cho ông Q, trong lúc các bên chờ nhận tiền vay thì vợ chồng ông M rời đi trước. Sau khi nhận tiền, bà B đưa trả bà P số tiền 170.000.000đ và nhận lại giấy vay tiền đã viết trước đó rồi cũng rời đi. Khi còn lại hai người, bà P yêu cầu ông D trả số tiền 240.000.000đ mà ông M và bà C đã mượn của ông Q thì ông D đưa ra tờ thông báo của Vietbank và nói ngân hàng chỉ đồng ý cho vay tối đa 240.000.000đ nên chưa trả được và hứa hẹn sẽ chịu trách nhiệm về khoản vay này, nếu ông M không trả được nợ thì sau khi làm được giấy tờ lô đất ở đường Nguyễn Văn H, ông D sẽ bán và trả cho ông Q toàn bộ số tiền nợ của ông M.

Do tin tưởng và cũng nhằm tạo điều kiện để thu hồi khoản tiền vay trước đó của vợ chồng ông M nên vào ngày 07/9/2017 khi ông Nguyễn Tiến D nói cần tiền trả lãi cho ngân hàng và làm hồ sơ thì ông Đặng Vinh Q lại cho ông D vay tiếp số tiền 70.000.000đ.

Do vậy không có việc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C viết giấy mượn tiền ngày 14/3/2017 với mục đích bảo lãnh cho khoản tiền vay và tiền lãi của vợ chồng bà Lê Thị B trước đó là 170.000.000đ, không có việc nhận tiền như ông Nguyễn M và ông Nguyễn Tiến D đã trình bày.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B trình bày:**

Vào năm 2017, vợ chồng bà là Lê Thị B và Nguyễn H đến hạn trả nợ ngân hàng nhưng không có tiền trả nên đã nhờ ông Nguyễn Tiến D hướng dẫn làm thủ tục đáo hạn. Sau đó ông D giới thiệu bà đến vay của bà P số tiền 170.000.000đ bao gồm cả tiền lãi để trả cho ngân hàng, khi vay tiền bà P yêu cầu bà B viết giấy vay tiền của con trai bà P là Đặng Vinh Q. Đồng thời với việc bắt vợ chồng bà B viết giấy nhận nợ, bà P cũng yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn M viết giấy bảo lãnh về khoản vay của vợ chồng bà, còn các bên đã viết những nội dung gì thì bà B không biết.

Do thuộc nhóm nợ xấu, ngân hàng không cho vay lại tiền nên vợ chồng bà B đã làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất tại thôn G, xã J, huyện A cho ông Nguyễn M và vợ là Trần Thị C đứng tên hộ để thế chấp vay ngân hàng số tiền 230.000.000đ. Ngay sau khi ký Hợp đồng vay tiền tại ngân hàng, vợ chồng ông M rời đi và có dặn bà B lấy hộ giấy tờ vợ chồng ông đã viết mà bà P đang giữ nhưng khi đưa trả tiền cho bà P, bà chỉ nhớ lấy giấy tờ vay mượn của mình mà quên không lấy giấy tờ cho vợ chồng ông M.

Đối với giấy viết có chữ ký của ông Nguyễn M và bà Trần Thị C (phần ghi tiếp theo sau nội dung ông Nguyễn Tiến D đã viết ngày 14/3/2017) có nội dung ông M và bà C có vay của ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ thì bà B không chứng kiến khi các bên viết nội dung này, nếu đây là nội dung M- C viết để đảm bảo cho khoản vay 170.000.000đ của vợ chồng bà thì bà đã trả xong cho mẹ con bà P, không còn liên quan đến vợ chồng ông M.

Bị đơn là bà Trần Thị C, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn H trong suốt quá trình tố tụng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim P, người làm chứng là bà Đặng Thị X đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tiến D, bà Lê Thị B, ông Nguyễn H vắng mặt không có lý do tại các phiên họp và hòa giải, phiên đối chất, phiên tòa nên đã vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, 73, 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ yêu cầu tính lãi với số tiền 57.000.000đ của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn M và vợ là bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

[1]. Đây là vụ án về tranh chấp giao dịch dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn là ông Nguyễn M và bà Trần Thị C có địa chỉ cư trú tại số nhà V đường Z, phường W, quận K, thành phố Đà Nẵng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn là bà Trần Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Tiến D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B, ông Nguyễn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt; người làm chứng là bà Đặng Thị X có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

*** Về nội dung:**

[1] Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả số tiền vay là 170.000.000đ, rút yêu cầu đối với số tiền lãi 57.000.000đ.

Xét việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền vay là 170.000.000đ thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền đều căn cứ vào giấy vay tiền được xác lập vào ngày 14/3/2017 giữa các bên để yêu cầu bị đơn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là bà Trần Thị C không có ý kiến gì; bị đơn ông Nguyễn M và người đại diện theo ủy quyền của ông M là ông Nguyễn Tiến D cho rằng giữa vợ chồng

ông M và ông Q không có quan hệ vay mượn tiền, vợ chồng ông M chỉ đứng ra đảm lãnh cho khoản tiền vợ chồng bà Lê Thị B đã vay của ông Đặng Vinh Q và các bên đã thanh toán xong nên không bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Còn nguyên đơn vẫn khẳng định đây là hai khoản vay khác nhau, không có liên quan. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị B xác nhận vợ chồng bà có vay tiền của ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ và đã trả xong, khi vay bà P có bắt buộc vợ chồng ông M nhận bảo lãnh đối với khoản tiền vay của vợ chồng bà nhưng các bên lập giấy tờ như thế nào bà không biết, đối với giấy vay tiền có chữ ký của vợ chồng ông M do nguyên đơn cung cấp các bên lập lúc nào bà không biết, vợ chồng ông M có vay mượn gì của mẹ con bà P hay không bà cũng không biết.

Xét thấy giữa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mâu thuẫn trong việc xác định số tiền vay mượn, việc viết giấy vay tiền, cũng như thanh toán nợ nên nghĩa vụ chứng minh thuộc về các bên. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không cung cấp được bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng M cho nội dung đã trình bày, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên liên quan để đối chất về những nội dung có mâu thuẫn trong lời khai của các bên nhưng không thực hiện được do vắng mặt bị đơn, người liên quan. Trong khi đó nguyên đơn đã cung cấp được bản chính giấy nhận nợ có chữ ký của ông Nguyễn M và bà Trần Thị C với nội dung *“Tôi có vay của Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ một trăm bảy mươi triệu. Sau khi ra sổ tên tôi. Tôi có trách nhiệm vay ngân hàng trả lại cho ông Đặng Vinh Q số tiền trên”*. Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ kiện theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ kiện. Do vậy, có căn cứ để xác định ông Nguyễn M và vợ là bà Trần Thị C đã vay của ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ như trình bày của nguyên đơn, mà không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại của bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Xét hợp đồng vay tài sản ngày 14/3/2017 giữa ông Đặng Vinh Q và ông Nguyễn M, bà Trần Thị C là hợp đồng vay có kỳ hạn, bên cho vay đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng bên vay không chịu trả là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn M và bà Trần Thị C có trách nhiệm trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ.

[4] Về án phí:

Ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, số tiền cụ thể phải chịu: $170.000.000đ \times 5\% = 8.500.000đ$.

Hoàn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 235, 244, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng) của nguyên đơn.

II/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Vinh Q đối với ông Nguyễn M và bà Trần Thị C.

1. Buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn M và bà Trần Thị C phải chịu 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm 8.500.000đ.

Hoàn trả cho ông Đặng Vinh Q số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 4.250.000đ theo biên lai thu số 4461 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DƯƠNG THỊ THÁI

